TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 84/2017/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM- TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Văn Phi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quý Hùng

Bà Nguyễn Thị Bội Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Mỹ Hạnh - Thư ký tòa án, Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa*:** Ông Hoàng Anh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân - gia đình thụ lý số 56/2017/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2017 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2017/QĐXXST-HNGD ngày 29/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1978

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Lê Văn N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997, đến năm 2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Tây, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 44 quyển số 01 ngày 19/8/2002.

Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác về nhà kình cãi, đánh đập vợ con. Từ tháng 6/2016, bà T và ông N sống ly thân. Bà T nhận thấy

hôn nhân không còn hạnh phúc, không muốn tiếp tục chung sống với ông N nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông N có 02 con chung là Lê Văn T1, sinh ngày 02/4/2007 và Lê Thị Thảo N1, sinh ngày 27/12/2002.

Sau khi ly hôn bà T có yêu cầu được dưỡng các con chung và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con 3.0000.000 đồng/tháng, (mỗi con chung 1.500.000 đồng/tháng), thời điểm cấp dưỡng từ tháng 10/2017 cho đến khi các con chung lần lược đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản khi ly hôn: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Căn cứ các Điều 56, 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Lê Văn N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên tòa ngày 14/9/2017 và 29/9/2017, căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu ly hôn: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Lê Văn N tự nguyện chung sống với nhau năm 1998, đến năm 2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cam Phước Tây, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 44 quyển số 01 ngày 19/8/2002 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian chung sống với nhau, ông N không quan tâm đến gia đình, có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Từ tháng 6 năm 2016 bà T và ông N không còn chung sống với nhau; bà T xác định không còn tình cảm với ông N; tòa án đã nhiều lần triệu tập ông N nhưng ông không đến Tòa, chứng tỏ ông N không có thiện chí hàn gắng tình cảm với bà T. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của bà T và ông N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông N có 02 con chung là Lê Văn T1, sinh ngày 02/4/2007 và Lê Thị Thảo N1, sinh ngày 27/12/2002, hiện tại các con chung do bà T nuôi dưỡng, các con chung điều có nguyện vọng được sống với mẹ nên giao các con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng (hai con 3.000.000 đồng/tháng) thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10 năm 2017 cho đến khi các con chung lần lược đủ 18 tuổi.

[4] Về chia tài sản khi ly hôn: Bà T không yêu cầu nên không xét, các bên có quyền khởi kiện vụ án khác khi có yêu cầu.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn ông Lê Văn N.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung Lê Văn T1, sinh ngày 02/4/2007 và Lê Thị Thảo N1, sinh ngày 27/12/2002 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi con chung là 1.500.000 đồng/tháng), thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10 năm 2017 cho đến khi các con chung lần lược đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về chia tài sản khi ly hôn: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Lê Văn N được quyền khởi kiện vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2012/0002675 ngày 31/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lâm, bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm; ông Lê Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Cam Lâm;
- Chị Cục THADS huyện Cam Lâm;
- UBND xã Cam Phước Tây;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Văn Phi